

Số: 25/NQ-HĐND

Phước Long, ngày 06 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn thị xã, giai đoạn 2021 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ;

Căn cứ vào Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2021 – 2025;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 14/6/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã; Báo cáo thẩm tra số 06/BC-HĐND-PC ngày 29/6/2021 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh thị xã Phước Long, giai đoạn 2021 - 2025.

(Có Đề án kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức thực hiện; giao Thường trực và 02 Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã khóa IV, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh bầu ở thị xã;
- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQ TX;
- ĐB.HĐND, TV.UBND TX;
- Các CQ, BN, ĐT thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lê Thanh Sơn

Số: 02 /ĐA-UBND

Phước Long, ngày 14 tháng 6 năm 2021

ĐỀ ÁN
TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG, HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG
VÀ BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH CHO DQTV TRÊN ĐỊA BÀN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG, GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

Phần I
CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Căn cứ văn bản của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng và Quân khu

- Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 ngày 22/11/2019;
- Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ (DQTV) về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với DQTV;
- Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng DQTV;
- Căn cứ nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc ban hành đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2021- 2025;

2. Căn cứ đặc điểm tình hình trên địa bàn thị xã

- Tổ chức đơn vị hành chính và đặc điểm tình hình trên địa bàn thị xã;
- Tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của thị xã;
- Thực trạng tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV, giai đoạn 2016 – 2020.

II. SỰ CẦN THIẾT

- Giai đoạn 2016 - 2020, công tác tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV trên địa bàn thị xã đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Các địa phương, cơ quan, tổ chức trong toàn thị xã xây dựng lực lượng có số lượng phù hợp, tổ chức biên chế đúng, đủ thành phần theo quy định, chất lượng chính trị và độ tin cậy cao. Công tác bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện bảo đảm đúng, đủ nội dung, thời gian; duy trì hoạt động có

hiệu quả, đúng pháp luật, góp phần cùng các lực lượng chức năng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã.

- Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số hạn chế như: Việc quán triệt, tuyên truyền, giáo dục và triển khai thực hiện Luật DQTV ở cơ sở chưa sâu; tỷ lệ đảng viên trong dân quân ở các xã, phường, chưa đạt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra. Khả năng nắm, nhận định, đánh giá tình hình, vai trò tham mưu của một số Ban CHQS cấp xã, phường cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp có mặt còn hạn chế, nhất là những vấn đề phức tạp mới nảy sinh. Bảo đảm kinh phí cho huấn luyện, hoạt động của Ban CHQS cấp xã, phường, cơ quan, tổ chức và lực lượng DQTV chưa đáp ứng yêu cầu thực tế dẫn đến chất lượng huấn luyện, hoạt động có mặt đạt kết quả chưa cao.

- Ngày 22/11/2019, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật DQTV, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Theo đó, tại Điều 44 Luật DQTV quy định: UBND các xã, phường có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng quyết định Đề án.

Việc ban hành Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV trên địa bàn thị xã, giai đoạn 2021 - 2025 là rất cần thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tăng cường quản lý nhà nước về công tác DQTV gắn với hoạt động phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương, cơ sở đạt chất lượng hiệu quả, góp phần cùng các lực lượng bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thị xã.

Phần II

TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG, HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH CHO DQTV

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Xây dựng lực lượng DQTV có số lượng phù hợp với từng địa bàn, tổ chức biên chế đúng, đủ thành phần theo quy định, lấy độ tin cậy về chính trị làm cơ sở; đến năm 2025 tỷ lệ đảng viên đạt 25% trở lên, riêng trong dân quân đạt 21% trở lên; 100% Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự (CHQS) cấp xã, phường tham gia cấp ủy và thành viên UBND cùng cấp.

b) Hàng năm, 100% đơn vị DQTV được tổ chức giáo dục chính trị, pháp luật và huấn luyện quân sự theo phân cấp, quân số đạt 90% trở lên so với tổng số DQTV, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng và an ninh trong tình hình mới, thực sự là lực lượng chính trị tin cậy, lực lượng nòng cốt bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng và tài sản của nhân dân.

c) 100% Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã, phường qua đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở; trong đó có 90% trở lên đạt trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở.

d) Bảo đảm đầy đủ chế độ, chính sách, trang phục, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật và nơi ở, làm việc cho Ban CHQS cấp xã, phường và lực lượng DQTV đúng theo quy định.

2. Yêu cầu

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết Hội nghị lần thứ 28 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) “về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, Kết luận số 41-KL/TW của Ban Bí thư, Luật Quốc phòng, Luật DQTV và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về DQTV cho lãnh đạo các cấp, các ngành nhằm nâng cao trách nhiệm, phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội trong xây dựng, huy động sử dụng và bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng DQTV.

b) Thực hiện nghiêm túc chế độ đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ DQTV, xét duyệt dân chủ, công khai, tuyển chọn những người có đủ năng lực, phẩm chất chính trị vào lực lượng. Xây dựng lực lượng DQTV theo phương châm “Vững mạnh, rộng khắp”, thực hiện ở đâu có dân, có tổ chức Đảng thì ở đó có lực lượng DQTV, chú trọng kiện toàn nâng cao năng lực quản lý, chỉ huy của đội ngũ cán bộ DQTV; gắn việc xây dựng lực lượng DQTV với việc đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. Các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có đủ điều kiện phải tổ chức lực lượng tự vệ theo quy định của pháp luật; chú trọng xây dựng lực lượng tự vệ trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp...

c) Tổ chức lực lượng DQTV phối hợp với Công an, Kiểm lâm và các lực lượng có liên quan hoạt động giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giải tán biểu tình, trấn áp bạo loạn, bảo vệ hiện trường tại cơ sở, làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc, phối hợp cùng các ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể và các lực lượng tham gia, phòng chống, khắc phục thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương.

d) Bảo đảm các chế độ, chính sách cho lực lượng DQTV đúng quy định của pháp luật, tạo lòng tin vững chắc cho cán bộ, chiến sỹ DQTV, khẳng định quan điểm, chủ trương đúng đắn của Thị ủy, Hội đồng nhân dân, UBND thị xã đối với lực lượng DQTV trong tình hình mới.

đ) Tổ chức giáo dục chính trị, pháp luật cho cán bộ, chiến sỹ DQTV. Gắn nhiệm vụ tổ chức lực lượng DQTV với xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, tăng cường quốc phòng và an ninh, phát triển kinh tế, xã hội và phát triển thể trận quốc phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân ở địa phương.

II. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Tổ chức xây dựng lực lượng DQTV

a) Đăng ký, quản lý lực lượng DQTV

Tháng 4 hàng năm, căn cứ kết quả đăng ký nghĩa vụ quân sự, Chủ tịch UBND xã, phường, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm đăng ký công dân đủ 18 tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV và đăng ký bổ sung công dân trong độ tuổi tham gia DQTV; tổng hợp, phân loại số lượng, chất lượng công dân đủ điều kiện tuyển chọn vào DQTV.

b) Củng cố kiện toàn cán bộ DQTV

- Ban CHQS xã, phường:

+ Chỉ huy trưởng là cán bộ, công chức cấp xã, phường tham gia cấp ủy và là thành viên UBND cùng cấp;

+ Chính trị viên do Bí thư Đảng ủy cấp xã đảm nhiệm;

+ Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã, phường đảm nhiệm;

+ Phó Chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, (phường, phường thóc Mờ, Phường Long Phước, phường Phước Bình trọng điểm về quốc phòng được bố trí 02 Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS phường), các xã, phường còn lại bố trí 01 phó chỉ huy trưởng/Ban CHQS xã, phường. (có phụ lục kèm theo).

- Ban CHQS cơ quan, tổ chức gồm: Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; Chính trị viên là Bí thư hoặc Phó Bí thư cấp ủy cùng cấp; Chính trị viên phó, phó Chỉ huy trưởng cán bộ Ban CHQS cơ quan, tổ chức là kiêm nhiệm.

- Cán bộ quản lý chỉ huy đơn vị DQTV gồm: Ban Chỉ huy đại đội, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng.

Cán bộ Ban Chỉ huy đại đội gồm 04 đồng chí: Đại đội trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó, Phó đại đội trưởng.

c) Quy mô tổ chức DQTV trạng thái sẵn sàng chiến đấu thường xuyên

- Cấp thị xã: tổ chức 01 đại đội dân cơ động quân số 88 đ/c/đại đội, 01 tiểu dân quân thường trực quân số 09 đ/c/tiểu đội, 01 trung đội DQTV 12,7mm quân số 31 đ/c/trung đội, 01 trung đội DQTV cối 82mm quân số 13 đ/c/trung đội và 01 trung đội DQTV ĐKZ82mm quân số 19 đ/c/trung đội. Xây dựng điểm trung đội DQTV súng máy phòng không 12,7mm vững mạnh toàn diện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu khi có tình huống, bảo đảm vũ khí trang bị, trận địa chiến đấu bằng bê tông vững chắc, trang bị hệ thống học cụ đồng bộ phục vụ cho nhiệm vụ huấn luyện.

- Cấp xã, phường: Tổ chức 01 trung đội dân quân cơ động quân số 28 đ/c/trung đội, 01 tiểu đội Dân quân thường trực quân số 09 đ/c/tiểu đội, 01 khẩu đội cối 60mm quân số 03 đ/c/khẩu đội, 01 tổ dân quân trinh sát quân số 03 đ/c/tổ, 01 tổ dân quân công binh quân số 03 đ/c/tổ, 01 tổ dân quân thông tin quân số 03 đ/c/tổ, 01 tổ dân quân phòng hóa quân số 03 đ/c/tổ và 01 tổ dân quân y tế quân số

03đ/c/tổ. Mỗi thôn, khu phố tổ chức 01 tiểu đội Dân quân tại chỗ quân số 09đ/c/tiểu đội.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: tổ chức 01 tiểu đội đến 01 trung đội tự vệ tại chỗ bảo đảm đủ khả năng bảo vệ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khi có tình huống (trừ các trung đội binh chủng do huyện quản lý).

* Hàng năm, căn cứ vào chỉ tiêu, hướng dẫn của Bộ CHQS tỉnh quy định, hướng dẫn cụ thể về số lượng, chất lượng, quy mô, tổ chức lực lượng DQTV cho phù hợp (Cụ thể có phụ lục II kèm theo).

d) Quy mô tổ chức DQTV trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu Cao. Gấp 3 lần so với trạng thái sẵn sàng chiến đấu thường xuyên cụ thể:

- Cấp thị xã: tổ chức 03 đại đội dân quân cơ động, 03 tiểu đội dân quân thường trực, 03 trung đội DQTV súng máy phòng không 12,7mm, 03 trung đội DQTV cối 82mm, 03 trung đội DQTV ĐKZ 82mm.

- Cấp xã, phường: Tổ chức 03 trung đội dân quân cơ động, 03 tiểu đội dân quân thường trực, 03 khẩu đội dân quân cối 60mm, 01 tiểu đội dân quân trinh sát, 01 tiểu đội dân quân thông tin, 01 tiểu đội dân quân công binh, 01 tiểu đội dân quân phòng hóa, 01 tiểu đội dân quân y tế.

- Cấp thôn, khu phố: Tổ chức 03 tiểu đội dân quân tại chỗ.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: Như quy mô tổ chức trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu thường xuyên.

đ) Quy mô tổ chức DQTV trạng thái sẵn sàng chiến đấu Toàn bộ gấp 4 lần so với trạng thái sẵn sàng chiến đấu thường xuyên cụ thể:

- Cấp thị xã: Tổ chức 04 đại đội dân quân cơ động, 04 tiểu đội dân quân thường trực, 04 trung đội DQTV súng máy phòng không 12,7mm, 04 trung đội DQTV cối 82mm, 04 trung đội DQTV ĐKZ 82mm.

- Cấp xã phường: Tổ chức 04 trung đội dân quân cơ động, 04 tiểu đội dân quân thường trực, 04 khẩu đội dân quân cối 60mm, 01 tiểu đội dân quân trinh sát, 01 tiểu đội dân quân thông tin, 01 tiểu đội dân quân công binh, 01 tiểu đội dân quân phòng hóa, 01 tiểu đội dân quân y tế.

- Cấp thôn, khu phố: Tổ chức 04 tiểu đội dân quân tại chỗ.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: Như quy mô tổ chức trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu thường xuyên.

2. Quản lý, sử dụng vũ khí, trang bị, công cụ hỗ trợ

a) Nguồn vũ khí của DQTV gồm: Vũ khí quân dụng do Bộ Quốc phòng trang bị; vũ khí thô sơ và công cụ hỗ trợ do địa phương sản xuất, mua sắm được đăng ký, quản lý, sử dụng đúng theo Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng.

b) Công cụ hỗ trợ, vũ khí thô sơ và trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật

- 100% cán bộ, chiến sĩ dân quân thường trực, dân quân cơ động, tự vệ các cơ quan ban ngành, đoàn thể thị xã được trang bị công cụ hỗ trợ bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra. Cấp thị xã bảo đảm cho DQTV thuộc cấp thị xã và cấp xã, phường (số lượng, chủng loại có phụ lục III kèm theo).

- Cấp thị xã và cấp xã, phường bảo đảm vũ khí thô sơ cho đơn vị DQTV thuộc quyền (chủng loại cụ thể có phụ lục IV kèm theo).

- Trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật: cấp xã bảo đảm kinh phí mua sắm cho mỗi tiểu đội dân quân thường trực 01 xe mô tô ($125 - 150cm^3$) phục vụ công tác hoạt động tuần tra, truy quét bảo vệ địa bàn.

Sau khi thực hiện nhiệm vụ phải tập trung quản lý tại Ban CHQS xã, phường tuyệt đối không giao cho cá nhân quản lý.

3. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập

a) Đào tạo cán bộ quân sự Ban CHQS cấp xã, phường

- Xét tuyển các đối tượng là cán bộ, chiến sĩ dân quân, đoàn viên thanh niên, đảng viên và quân nhân, công an xuất ngũ đang công tác tại địa phương, cơ sở và trong quy hoạch nguồn cán bộ quân sự cấp xã, phường thì được đăng ký tuyển sinh đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở; bảo đảm 100% Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã, phường phải qua đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở; phấn đấu đến năm 2025 có 90% trở lên đạt trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở.

- Năm 2023 – 2024, nắm chắc nguồn đảm bảo về chất lượng đủ số lượng cử đi đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở theo chỉ tiêu tỉnh giao.

b) Bồi dưỡng cán bộ

Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng do Bộ CHQS tỉnh tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ Ban CHQS cấp xã, cơ quan, tổ chức thị xã; đủ nội dung, thời gian theo Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng.

c) Tập huấn cán bộ

- Cấp tỉnh:

+ Đối tượng: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban CHQS cấp xã, cơ quan, tổ chức thị xã; cán bộ đại đội, chỉ huy đơn vị tự vệ, trung đội trưởng, khẩu đội trưởng DQTV pháo phòng không, pháo binh.

+ Nội dung từng đối tượng: Có nội dung riêng được quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng.

+ Thời gian: 07 ngày/năm.

+ Cơ sở tập huấn: Tại cơ sở 2 Trung đoàn BB736.

- Cấp thị xã:

+ Đối tượng: Trung đội trưởng, thôn, khu đội trưởng, tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng 12,7mm, ĐKZ, cối 82mm, cối 60mm.

+ Nội dung từng đối tượng: có nội dung riêng được quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng.

+ Thời gian: 05 ngày/năm.

+ Cơ sở tập huấn: Ban CHQS thị xã.

d) Giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự cho chiến sỹ DQTV

- Ban CHQS thị xã tổ chức huấn luyện cho DQTV năm thứ nhất trên địa bàn thị xã; các đơn vị DQTV thuộc cấp thị xã quản lý. Phối hợp với các cơ quan của Bộ CHQS tỉnh tổ chức huấn luyện dân quân trình sát, thông tin, công binh phòng hóa, y tế và các khẩu đội cối 60mm của cấp xã.

- Ban CHQS xã, phường tổ chức huấn luyện cho dân quân cơ động, thường trực, tại chỗ năm thứ 2 trở đi của cấp xã, phường.

- Cơ quan, tổ chức huấn luyện cho lực lượng tự vệ năm thứ 2 trở đi thuộc quyền, nội dung, thời gian theo Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng.

đ) Hội thi, hội thao: Tổ chức 02 lần/05 năm tại Ban CHQS thị xã và tham gia cấp tỉnh tổ chức.

e) Diễn tập

- Diễn tập: Diễn tập khu vực phòng thủ cấp thị xã 01 lần (năm 2022) Diễn tập phòng thủ dân sự 01 lần (năm 2024) thời gian từ 1,5 – 2 ngày/lần.

- Diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã, phường: 05 năm/lần/xã, phường; thời gian một ngày, đêm.

4. Hoạt động của DQTV

Hoạt động của lực lượng DQTV trong sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và các hoạt động khác phải thực hiện theo các quy định tại Điều 29, 30, 31, Chương II, Chương IV Luật DQTV và Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động phối hợp của DQTV và các quy định của Bộ CHQS tỉnh.

5. Bảo đảm chế độ, chính sách

a) *Chế độ phụ cấp đối với các chức vụ chỉ huy DQTV thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định chế độ phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ, Điều 8 Quy định chế độ phụ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần của Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, thôn đội trưởng, Điều 9 Quy định Chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân cơ động, dân quân thường trực, Điều 10 Quy định Chế độ phụ cấp thâm niên của các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự cấp xã theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ.*

- Đối với Phó chỉ huy trưởng/Ban CHQS cấp xã, phường, hàng tháng được hỗ trợ Phụ cấp theo quy định tại nghị quyết HĐND tỉnh về chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, phường.

b) Chế độ, chính sách đối với dân quân khi làm nhiệm vụ

- Đối với Dân quân thường trực:

+ Được trợ cấp ngày công lao động bằng 0,10 so với mức lương cơ sở và được bố trí nơi ăn, nghỉ.

+ Được đảm bảo tiền ăn bằng mức tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam tại cùng thời điểm.

+ Khi hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân thường trực (*đủ 24 tháng*) được trợ cấp một lần bằng 4,0 mức lương cơ sở. Trường hợp kéo dài thời gian tham gia dân quân thường trực thì cứ đủ từ 25 đến 30 tháng được hưởng trợ cấp một lần bằng 5,0 mức lương cơ sở, đủ từ 31 đến 35 tháng được hưởng trợ cấp một lần bằng 6,0 mức lương cơ sở và không kéo dài quá 36 tháng.

+ Cấp thị xã, cấp xã, phường mua bảo hiểm y tế mỗi tháng bằng 4,5% mức lương cơ sở (*theo quy định tại Điều 7 Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của luật bảo hiểm y tế*) và chế độ bảo hiểm xã hội cho dân quân thường trực thuộc quyền như hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang tại ngũ.

+ Tiêu chuẩn vật chất hậu cần như hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang tại ngũ tại cùng thời điểm (có phụ lục V kèm theo).

- Đối với dân quân: Tại chỗ, cơ động, phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế khi làm nhiệm vụ được hưởng các chế độ như sau:

+ Được trợ cấp ngày công lao động bằng 0,10 mức lương cơ sở. Trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân theo quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã, phường mức trợ cấp tăng thêm bằng 0,05 mức lương cơ sở (thời gian tính từ tháng thứ 49 trở đi và không quá 72 tháng).

+ Được bảo đảm tiền ăn bằng tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam tại cùng thời điểm.

+ Khi làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú không có điều kiện đi, về hằng ngày thì được bố trí nơi ăn, nơi nghỉ, bảo đảm phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi, về như cán bộ, công chức cấp xã.

c) Chính sách đối với DQTV bị ốm đau, bị tai nạn, chết, bị thương, hi sinh thực hiện theo quy định tại **Điều 14** *Điều kiện, mức hưởng, trình tự, thủ tục và cơ quan có trách nhiệm bảo đảm kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho Dân quân tự vệ không tham gia bảo hiểm y tế nếu bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, Điều 15* *Điều kiện, mức hưởng, trình tự, thủ tục và cơ quan có trách nhiệm bảo đảm kinh phí, chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ không tham gia bảo hiểm xã hội nếu bị tai nạn*, theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ. Quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ.

d) Chế độ, chính sách đối với tự vệ khi làm nhiệm vụ được hưởng nguyên lương, các khoản phúc lợi, phụ cấp, công tác phí, chế độ, chính sách theo chế độ hiện hành.

* Định mức chế độ, chính sách của DQTV quy định tại điểm 5, mục II, phần II của Đề án này được điều chỉnh trong trường hợp Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở hoặc mức tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và Bộ Quốc phòng có thông tư điều chỉnh mức tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ.

6. Trang phục của DQTV

Cán bộ, chiến sỹ DQTV được cấp trang phục DQTV đúng theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

7. Bảo đảm trang thiết bị cho Ban CHQS cấp xã, phường đơn vị dân quân thường trực

- Cấp thị xã bảo đảm trụ sở làm việc độc lập hoặc nơi làm việc riêng (không nằm trong trụ sở UBND cấp xã, phường). Tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị làm việc của Ban CHQS cấp xã, phường, cơ quan, tổ chức đúng theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và bảo đảm Báo Quân đội nhân dân cho Ban chỉ huy quân cấp xã, phường, cơ quan, tổ chức, đơn vị dân quân thường trực theo quy định của Bộ Quốc phòng.

- Cấp thị xã, cấp xã, phường bảo đảm cho đơn vị dân quân thường trực thuộc quyền đủ phòng sinh hoạt, làm việc, phòng nghỉ, giường, chiếu, chăn, màn, tivi, phương tiện cơ động, vật chất thể dục thể thao và dụng cụ cấp dưỡng bảo đảm cho làm việc và sinh hoạt.

8. Phân cấp nhiệm vụ chi thực hiện Luật DQTV

a) Nhiệm vụ chi của cấp thị xã thực hiện theo Điều 38 Luật DQTV, trong đó có chi tập trung các khoản sau:

- Xây dựng và thực hiện đề án, dự án, kế hoạch nghiên cứu khoa học quân sự về Dân quân tự vệ

- Đăng ký, khám sức khỏe, tuyển chọn, quản lý, tổ chức xây dựng lực lượng, tập huấn, huấn luyện quân sự, hội thi, hội thao, diễn tập, hoạt động của DQTV thuộc quyền; xây dựng kế hoạch và thực hiện quyết định mở rộng lực lượng DQTV;

- Thông tin, tuyên truyền về DQTV; hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống của DQTV;

- Bảo đảm chế độ, phụ cấp, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho các chức vụ chỉ huy DQTV và chế độ chính sách cho DQTV khi làm nhiệm vụ theo quyết định điều động của Chỉ huy trưởng Ban CHQS thị xã (*trừ cơ quan tổ chức*)

- Hỗ trợ kinh phí ôn thi cho các thí sinh tham gia tuyển sinh cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở;

- Hỗ trợ các khoản kinh phí khám chữa bệnh không có trong danh mục trả bảo hiểm y tế chi trả đối với những Dân quân có thẻ bảo hiểm y tế trong khi thực hiện nhiệm vụ bị tai nạn;

- Bảo đảm chế độ, chính sách đối với DQTV bị ốm đau, bị tai nạn, chết, bị thương, hy sinh theo quy định tại Điều 35 của Luật DQTV và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Vận chuyển, sửa chữa, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, phương tiện, trang bị kỹ thuật; bảo đảm vũ khí thô sơ, phương tiện, trang bị thiết yếu cho đơn vị DQTV thuộc quyền; mua sắm công cụ hỗ trợ cho DQTV toàn thị xã, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới;

- Xây dựng mới, sửa chữa kho tàng, công trình chiến đấu cho DQTV trong khu vực phòng thủ; nơi ăn, nghỉ của dân quân thường trực; trụ sở hoặc nơi làm việc của Ban chỉ huy quân sự cấp xã, phường;

- Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự giao cho DQTV đảm nhiệm;

- Thực hiện hợp tác quốc tế về Dân quân tự vệ theo thẩm quyền;

- Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về công tác DQTV theo thẩm quyền;

- Các nhiệm vụ chi khác cho DQTV của địa phương theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền giao.

c) Nhiệm vụ chi của cấp xã, phường

- Bảo đảm kinh phí cho việc đăng ký, quản lý, tổ chức huấn luyện, hoạt động của dân quân và tuyên truyền pháp luật về DQTV do cấp xã, phường tổ chức;

- Bảo đảm phụ cấp cho cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Thôn đội trưởng và cán bộ chỉ huy đơn vị dân quân thuộc quyền; đóng bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm y tế cho phó Chỉ huy Ban chỉ huy quân sự cấp xã, phường và dân quân thường trực thuộc quyền theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;

- Bảo đảm kinh phí cho việc thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, hoạt động thông tin tuyên truyền, hoạt động ngày truyền thống của DQTV do cấp xã, phường tổ chức;

- Bảo đảm trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn và các chi phí theo chế độ quy định cho hoạt động của dân quân được huy động, điều động làm nhiệm vụ theo thẩm quyền của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, phường;

- Kinh phí cho việc tổ chức kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền về công tác dân quân tự vệ cấp xã, phường.

- Hỗ trợ kinh phí cho Ban CHQS cấp xã, phường và dân quân thuộc quyền phối hợp tuần tra, truy quét bảo vệ địa bàn;

- Các khoản chi khác cho dân quân theo qui định của pháp luật do cấp xã, phường thực hiện.

d) Nhiệm vụ chi của cơ quan, tổ chức cơ sở: Thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật DQTV năm 2019.

III. LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Lộ trình

a) Năm 2020: Triển khai các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án;

b) Năm 2021 – 2025: Tổ chức thực hiện Đề án, trong đó năm 2022 tổ chức rút kinh nghiệm giai đoạn (2020 – 2022) và năm 2025 tổ chức hội nghị tổng kết.

2. Kinh phí

a) Tổng kinh phí toàn thị xã bảo đảm cho thực hiện Đề án: 44,878,076,000 đồng; trong đó: năm 2021: 16,223,071,200 đồng; năm 2022: 7,163,751,200 đồng; năm 2023: 7,163,751,200 đồng; năm 2024: 7,163,751,200 đồng; năm 2025: 7,163,751,200 đồng. *(Kinh phí trên chưa tính phần trượt giá và các khoản phát sinh nên được điều chỉnh trong bản dự toán kinh phí hàng năm của từng cấp)*. (Có phụ lục VI, VII, kèm theo).

b) Ngân sách bảo thực hiện Đề án được bảo đảm từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan. Tháng 7 hàng năm, Ban CHQS thị xã phối hợp với Phòng Tài chính lập dự toán thực hiện Đề án năm tiếp theo của cấp thị xã, báo cáo UBND thị xã trình HĐND thị xã. Ban CHQS cấp xã, phường phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán thực hiện Đề án của cấp mình và báo cáo UBND trình HĐND cùng cấp.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban CHQS thị xã

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành có liên quan quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện Đề án tổ chức xây dựng, huấn luyện và bảo đảm chế độ, chính sách đối với lực lượng DQTV trên địa bàn thị xã, giai đoạn 2021 - 2025.

- Hàng năm, lập kế hoạch xây dựng phát triển lực lượng DQTV, báo cáo UBND thị xã, trình Bộ CHQS tỉnh phê duyệt. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai cho Ban CHQS các xã, phường; Ban CHQS cơ quan, tổ chức lập kế hoạch thực hiện công tác DQTV chặt chẽ, chất lượng và hiệu quả.

- Tham mưu UBND thị xã chỉ đạo các doanh nghiệp trên địa bàn thị xã xây dựng lực lượng tự vệ trong các doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật, sát yêu cầu, nhiệm vụ của cơ sở, đạt hiệu quả thiết thực.

- Hàng năm, chủ động phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan lập dự toán kinh phí báo cáo UBND thị xã để trình HĐND thị xã theo lộ trình Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác DQTV ở các địa phương, cơ sở, tổng hợp báo cáo, đề xuất UBND thị xã để chỉ đạo thực hiện.

2. Các phòng, ban, ngành

- Phòng Kinh tế phối hợp với Ban CHQS thị xã chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, địa phương lập kế hoạch công tác quốc phòng địa phương, kế hoạch kết hợp kinh tế với Quốc phòng và kế hoạch động viên nền kinh tế quốc dân; khảo sát, xây dựng các công trình trong khu vực phòng thủ, công trình liên quan đến quốc phòng và an ninh, các công trình chuyên dụng như thao trường, bãi tập để bố trí vào vốn trung hạn.

- Phòng Nội vụ - Lao động thương binh và xã hội phối hợp với Ban CHQS thị xã thống nhất về tổ chức biên chế cán bộ Ban CHQS cấp xã, phường; số lượng, đối tượng trong nguồn quy hoạch cán bộ quân sự cấp xã để tuyển sinh đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở theo nhu cầu của thị xã và đơn đốc, kiểm tra việc bố trí, sử dụng cán bộ sau đào tạo đúng theo quy định.

- Phòng Tài chính – Kế hoạch có trách nhiệm phối hợp với Ban CHQS thị xã bảo đảm ngân sách thực hiện hiện Đề án, dự toán ngân sách hàng năm theo Luật Ngân sách Nhà nước; Hướng dẫn, kiểm tra việc lập dự toán và thanh quyết toán ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác quốc phòng ở các phòng, ban ngành, đoàn thể thị xã theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp với Ban CHQS thị xã và các ngành liên quan tập trung tuyên truyền, phổ biến Luật DQTV, các văn bản thi hành cho cán bộ, công chức và toàn dân, tập trung tuyên truyền, phổ biến giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ban CHQS thị xã khảo sát chọn vị trí xây dựng và cấp giấy quyền sử dụng đất thao trường huấn luyện, bãi tập, trường bắn cơ bản và trận địa súng máy phòng không DQTV.

- Các phòng, ban, ngành còn lại theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ cơ quan theo Luật DQTV, phối hợp với Ban CHQS thị xã tham mưu cho Thị ủy, Hội đồng nhân dân, UBND thị xã đơn đốc, kiểm tra, tạo mọi điều kiện cho các địa phương, cơ sở, cơ quan, đơn vị xây dựng lực lượng và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở cơ sở trong tình hình mới. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Luật DQTV và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật DQTV.

Hàng năm tham mưu cho lãnh đạo cơ quan tổ chức chỉ đạo Ban CHQS cơ quan, tổ chức thuộc quyền lập dự toán ngân sách bảo đảm công tác quốc phòng, quân sự và hoạt động của lực lượng tự vệ cơ quan, tổ chức, bảo đảm cho thực hiện nhiệm vụ.

3. UBND xã, phường

- Tổ chức quán triệt triển khai thực hiện nghiêm túc Luật DQTV và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật DQTV năm 2019.

- Chủ tịch UBND xã, phường chịu trách nhiệm trước cấp ủy Đảng, chính quyền cùng cấp và thị ủy về thực hiện công tác Quốc phòng ở địa phương, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình về công tác Quốc phòng theo quy định tại Nghị định số 168/2018/NĐ-CP ngày 28/12/2018 của Chính phủ về công tác quốc phòng ở Bộ, ngành trung ương, địa phương; xây dựng kế hoạch tổ chức lực lượng, huấn

luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2021 – 2025 của cấp mình, thông qua HĐND cùng cấp phê duyệt và triển khai thực hiện xong trong quý II/2021.

- Chỉ đạo khảo sát lập Kế hoạch đề nghị UBND thị xã bố trí kinh phí sửa chữa, nâng cấp và xây mới nhà làm việc, bảo đảm trang thiết bị làm việc, công cụ hỗ trợ cho Ban CHQS cấp xã, phường, đơn vị dân quân thường trực, dân quân cơ động thực hiện nhiệm vụ;

- Lập dự toán ngân sách cấp mình bảo đảm tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho DQTV trên địa bàn theo Đề án;

- Tổ chức kiểm tra, sơ kết, công tác quốc phòng, công tác DQTV, giáo dục quốc phòng và an ninh trên địa bàn hàng năm.

Trong quá trình thực hiện Đề án, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, xã, phường có văn bản gửi về UBND thị xã (qua Ban CHQS thị xã) để đề xuất, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- TTTU, HĐND thị xã;
- CT, PCT. UBND thị xã;
- Các cơ quan, ban ngành thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Ban CHQS thị xã;
- LĐVP, CVK;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Thụy Luân

Phụ lục I
DANH SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN LOẠI 1,
XÃ BIÊN GIỚI, TRỌNG ĐIỂM VỀ QUỐC PHÒNG

(Ban hành kèm theo Đề án số *CJ* /ĐA-UBND ngày *14/6* /2021 của UBND thị xã Phước Long)

TT	Tên xã, phường thị trấn	Phân loại ĐVHC			Ghi chú
		Loại 1	Xã trọng điểm QP, AN	Xã biên giới	
I	TX. PHƯỚC LONG	1	3		
1	P. Thác Mơ		X		
2	P. Long Thủy				
3	P. Phước Bình		X		
4	P. Long Phước	X	X		
5	P. Sơn Giang				
6	Xã Long Giang				
7	Xã Phước Tín				
Tổng cộng		1	3		

* Ghi chú: Thị xã có 03 phường trọng điểm về Quốc phòng An ninh, bố trí 02 Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS phường số liệu này có thể thay đổi khi có quyết định thay đổi của Chính phủ.

Phụ lục II

TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ DÂN QUÂN TỰ VỆ

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 /ĐA-UBND ngày 14 / 5 /2021 của UBND thị xã Phước Long)

Đơn vị DQTV	Tổ số						Thành phần lực lượng DQTV																			
	Quân số	Tổ chức					Tại chỗ		Cơ động		Thường trực		Phòng không		Pháo binh		Trinh sát		Thông tin		Công binh		Phòng hóa		Y tế	
		Đại đội	Trung đội	Tiểu đội	Khẩu đội	Tổ	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị
Cấp thị xã	181	1	3	10				88		37		31		32												
Tiểu đội (khẩu đội)	9			10						9	9	1														
Trung đội	84		3							3	28	1	31	1	32	2										
Đại đội	88	1						88	1																	
Cấp xã	91		1	5	1	5	348	196		63				21		3		3		3		3		3		3
Tổ	15					5										3	1	3	1	3	1	3	1	3	1	3
Tiểu đội	45			5			348	42		63	7															
Khẩu đội CO60	3				1									21	7											
Trung đội	28		1					196	7																	
Đơn vị tự vệ	109	0	1	9			54																			
Tiểu đội	81			9			54	6																		
Trung đội	28		1																							
Đại đội																										
Tổng cộng	990	1	42	209	2	6	456		116		163	3	31	1	38	3	3	1	3	1	3	1	3	1	3	1

Phụ lục III

SỐ LƯỢNG, CHỦNG LOẠI TRANG BỊ CÔNG CỤ HỖ TRỢ

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 /ĐA-UBND ngày 14 /6 /2021 của UBND thị xã Phước Long)

TT	Trang bị, công cụ hỗ trợ	ĐVT	Số lượng trang bị, công cụ hỗ trợ của đơn vị DQTV và Ban CHQS cấp xã, cơ quan, tổ chức					
			Tổ	Tiểu đội	Trung đội	Đại đội	Ban CHQS cấp xã phường	Ban CHQS cơ quan, tổ chức
1	Băng tuần tra DQTV	Cái	3	9	28	88	3	6
2	Dây lưng to	Cái	3	9	28	88	3	6
3	Bình đựng nước uống	Cái	3	9	28	88	3	6
4	Đèn pin	Cái	3	9	28	88	3	6
5	Quay đeo đèn pin	Cái	3	9	28	88	3	6
6	Còng số 8	Cái	3	9	28	88	3	6
7	Quay đeo còng	Cái	3	9	28	88	0	0
8	Dùi cui (cao su)	Cây	2	6	18	54	0	0
9	Quay đeo dùi cui	Cái	2	6	18	54	0	0
10	Dùi cui (thép)	Cây	1	3	9	27	0	0
11	Roi điện	Cây	0	1	3	9	3	6
12	Mũ chống bạo loạn (02 chức năng)	Cái	3	9	28	88	3	6
13	Áo giáp (chống đâm)	Cái	3	9	28	88	3	0
14	Khiên (lá chắn)	Cái	3	9	28	88	3	0
15	Ốp bảo vệ tay	Cặp	3	9	28	88	3	0
16	Ốp bảo vệ chân	Cặp	3	9	28	88	3	0
17	Súng bắn đạn cao su hoặc hơi cay	Khẩu	0	0	1	7	3	6
18	Bộ đàm	Cái	1	3	7	24	3	6
19	Gậy tầm vông (dài 1,8m)	Cây	3	9	28	88	0	0



Phụ lục IV
CHUNG LOẠI VŨ KHÍ THÔ SƠ

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 /ĐA-UBND ngày 14 / 6 /2021 của UBND thị xã Phước Long)

TT	Tên vũ khí thô sơ	Ghi chú
1	Nỏ và mũi tên	
2	Cần phóng tên	
3	Bẫy đá	
4	Chông rải	
5	Chông chém	
6	Chông phóng	
7	Chông rơi	
8	Chông đu	
9	Chông bàn	
10	Chông hom gió	
11	Chông mỏ	
12	Chông sào	
13	Chông trục quay trên cọc đỡ	
14	Chông cánh cửa trên cọc đỡ	
15	Chông kẹp nách	
16	Chông thò	
17	Chông cần côi đơn	
18	Chông bố trí dưới nước	
19	Chông hoa	
20	Chông nhím	
21	Hàng rào đơn	
22	Hàng rào mái nhà	
23	Hàng rào bùng nhùng	
24	Củ ấu	
25	Cự mã	

Phụ lục V
TIÊU CHUẨN VẬT CHẤT HẠ CẤP CỦA CHIẾN SĨ DÂN QUÂN THƯỜNG TRỰC
(Ban hành kèm theo Đề án số 02 /ĐA-UBND ngày 14 / 6 /2021 của UBND thị xã Phước Long)

TT	Loại tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thuốc, bông băng dùng tại đơn vị	Đồng/người/năm	100.000	
2	Chi phí khám sức khỏe thực hiện Luật DQTV	Đồng/người/năm	130.000	
3	Thuốc và hóa chất phòng, chống dịch	Đồng/người/năm	10.000	
4	Tiêu chuẩn diện tích làm việc	M2/người	4,5	
5	Tiêu chuẩn diện tích ở	M2/người	Giường 1 tầng 5,0m ² ; Giường 2 tầng 3,5m ³	
6	Thiết bị vệ sinh nhà ở tập thể	Cái/06 người	02 xô đựng nước, 02 chậu giặt đồ, 02 chậu rửa mặt (niên hạn 1 năm)	
7	Tiêu chuẩn doanh cụ	Cái/người		
8	Dụng cụ cấp dưỡng	06 người/bàn ăn	Chén, đũa, đĩa, tô, nồi nấu cơm, canh...	
9	Điện sinh hoạt	KWh/người/tháng	22	
10	Nước sinh hoạt	Lít/người/ngày	140	
11	Nước uống	Lít/người/ngày	2,5	
12	Giấy vệ sinh	Cuộn/người/tháng	2	

Phụ lục VI

**KINH PHÍ BẢO ĐẢM TIỀN ĂN, TRỢ CẤP NGÀY CÔNG LAO ĐỘNG;
BHYT, BHXH, TRỢ CẤP MỘT LẦN ĐỐI VỚI DQTT TOÀN THỊ XÃ**

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 /ĐA-UBND ngày 11 / 6 /2021 của UBND thị xã Phước Long)

TT	Đối tượng, chế độ hưởng	Mức hưởng (nghìn đồng/người/ngày)		Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Tổng
		Theo Luật	Theo Đề án	Số người	Số ngày huy động	Thành tiền (đồng)	Số người	Số ngày huy động	Thành tiền (đồng)	Số người	Số ngày huy động	Thành tiền (đồng)	Số người	Số ngày huy động	Thành tiền (đồng)	Số người	Số ngày huy động	Thành tiền (đồng)	
1	DQTV năm thứ nhất					221.550.000			221.550.000			221.550.000			221.550.000			253.200.000	1.139.400.000
	Tiền ăn	62.000	62.000	70	15	65.100.000	70	15	65.100.000	70	15	65.100.000	70	15	65.100.000	80	15	74.400.000	334.800.000
	Trợ cấp ngày công lao động	149.000	149.000	70	15	156.450.000	70	15	156.450.000	70	15	156.450.000	70	15	156.450.000	80	15	178.800.000	804.600.000
2	Dân quân cơ động năm thứ 2-4					379.800.000			379.800.000			379.800.000			379.800.000			405.120.000	1.924.320.000
	Tiền ăn	62.000	62.000	150	12	111.600.000	150	12	111.600.000	150	12	111.600.000	150	12	111.600.000	160	12	119.040.000	565.440.000
	Trợ cấp ngày công lao động	149.000	149.000	150	12	268.200.000	150	12	268.200.000	150	12	268.200.000	150	12	268.200.000	160	12	286.080.000	1.358.880.000
3	DQ bình chủng năm thứ 2-4					430.440.000			405.120.000			405.120.000			405.120.000			430.440.000	2.076.240.000
	Tiền ăn	62.000	62.000	170	12	126.480.000	160	12	119.040.000	160	12	119.040.000	160	12	119.040.000	170	12	126.480.000	610.080.000
	Trợ cấp ngày công lao động	149.000	149.000	170	12	303.960.000	160	12	286.080.000	160	12	286.080.000	160	12	286.080.000	170	12	303.960.000	1.466.160.000
4	Dân quân tại chỗ năm thứ 2-4					339.710.000			339.710.000			339.710.000			339.710.000			354.480.000	1.713.320.000
	Tiền ăn	62.000	62.000	230	7	99.820.000	230	7	99.820.000	230	7	99.820.000	230	7	99.820.000	240	7	104.160.000	503.440.000
	Trợ cấp ngày công lao động	149.000	149.000	230	7	239.890.000	230	7	239.890.000	230	7	239.890.000	230	7	239.890.000	240	7	250.320.000	1.209.880.000
5	Dân quân thường trực					5.817.571.200			5.817.571.200			5.817.571.200			5.832.763.200			5.817.571.200	29.103.048.000
	Tiền ăn	62.000	62.000	72	365	1.629.360.000	72	365	1.629.360.000	72	365	1.629.360.000	72	366	1.633.824.000	72	365	1.629.360.000	8.151.264.000
	Trợ cấp ngày công lao động	149.000	149.000	72	365	3.915.720.000	72	365	3.915.720.000	72	365	3.915.720.000	72	366	3.926.448.000	72	365	3.915.720.000	19.589.328.000
	BHXH, BHYT	804.600	804.600	72	1	57.931.200	72	1	57.931.200	72	1	57.931.200	72	1	57.931.200	72	1	57.931.200	289.656.000
	Trợ cấp một lần	2.980.000	2.980.000	72	1	214.560.000	72	1	214.560.000	72	1	214.560.000	72	1	214.560.000	72	1	214.560.000	1.072.800.000
	Tổng cộng					7.189.071.200	0	0	7.163.751.200	0	0	7.163.751.200	0	0	7.178.943.200	0	0	7.260.811.200	35.956.328.000

Phụ lục VII

KINH PHÍ BẢO ĐẢM CHI TRẢ PHỤ CẤP THÁNG, PHỤ CẤP CHỨC VỤ, PHỤ CẤP THÂM NIÊN, PHỤ CẤP ĐẶC THÙ QUỐC PHÒNG QUÂN SỰ CHO CÁC CHỨC VỤ CHỈ HUY DQTV TOÀN THỊ XÃ
(Ban hành kèm theo Đề án số CL /ĐA-UBND ngày 14 /6 /2021 của UBND thị xã Phước Long)

TT	Đối tượng, chế độ hưởng	Mức hưởng (đồng/năm/người)		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng (đồng)	Ghi chú
		Theo luật	Theo Đề án	Số người	Thành tiền (đồng)	Số người	Thành tiền (đồng)	Số người	Thành tiền (đồng)	Số người	Thành tiền (đồng)	Số người	Thành tiền (đồng)		
I	Ban CHQS cấp xã	60.038.400	60.038.400		624.648.000		662.028.000		695.208.000		728.388.000		761.568.000	3.471.840.000	
1	Chỉ huy trưởng, Chính trị viên	12.991.200	12.991.200		177.676.800		206.236.800		230.596.800		254.956.800		279.316.800	1.148.784.000	
	Phụ cấp chức vụ	4.291.200	4.291.200	14	60.076.800	14	60.076.800	14	60.076.800	14	60.076.800	14	60.076.800	300.384.000	
	Phụ cấp thâm niên CHT	3.900.000	3.900.000	14	54.600.000	14	65.520.000	14	76.440.000	14	87.360.000	14	98.280.000	382.200.000	
	Phụ cấp thâm niên CTV	4.800.000	4.800.000	14	63.000.000	14	80.640.000	14	94.080.000	14	107.520.000	14	120.960.000	466.200.000	
2	Chính trị viên phó	7.833.600	7.833.600	14	54.835.200	14	60.295.200	14	65.755.200	14	71.215.200	14	76.675.200	328.776.000	
	Phụ cấp chức vụ	3.933.600	3.933.600	7	27.535.200	7	27.535.200	7	27.535.200	7	27.535.200	7	27.535.200	137.676.000	
	Phụ cấp thâm niên CTVP	3.900.000	3.900.000	7	27.300.000	7	32.760.000	7	38.220.000	7	43.680.000	7	49.140.000	191.100.000	
3	Phó Chỉ huy trưởng	39.213.600	39.213.600		392.136.000		395.496.000		398.856.000		402.216.000		405.576.000	1.994.280.000	
	Phụ cấp tháng	33.600.000	33.600.000	10	336.000.000	10	336.000.000	10	336.000.000	10	336.000.000	10	336.000.000	1.680.000.000	
	Phụ cấp chức vụ	3.933.600	3.933.600	10	39.336.000	10	39.336.000	10	39.336.000	10	39.336.000	10	39.336.000	196.680.000	
	Phụ cấp thâm niên	1.680.000	1.680.000	10	16.800.000	10	20.160.000	10	23.520.000	10	26.880.000	10	30.240.000	117.600.000	
II	Ban CHQS cơ quan, tổ chức	8.224.800	8.224.800		110.498.400		110.498.400		110.498.400		110.498.400		110.498.400	552.492.000	
1	Chỉ huy trưởng, Chính trị viên	4.291.200	4.291.200	12	51.494.400	12	51.494.400	12	51.494.400	12	51.494.400	12	51.494.400	257.472.000	
	Phụ cấp chức vụ	4.291.200	4.291.200	12	51.494.400	12	51.494.400	12	51.494.400	12	51.494.400	12	51.494.400	257.472.000	
2	Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó	3.933.600	3.933.600	15	59.004.000	15	59.004.000	15	59.004.000	15	59.004.000	15	59.004.000	295.020.000	
	Phụ cấp chức vụ	3.933.600	3.933.600	15	59.004.000	15	59.004.000	15	59.004.000	15	59.004.000	15	59.004.000	295.020.000	
III	Thôn đội trưởng	11.443.200	3.576.000		150.192.000		150.192.000		150.192.000		150.192.000		150.192.000	750.960.000	

TT	Đối tượng, chế độ hưởng	Mức hưởng (đồng/năm/người)		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng (đồng)	Ghi chú
		Theo luật	Theo Đề án	Số người	Thành tiền (đồng)	Số người	Thành tiền (đồng)	Số người	Thành tiền (đồng)	Số người	Thành tiền (đồng)	Số người	Thành tiền (đồng)		
1	Phụ cấp tháng	8.940.000	1.072.800	42	45.057.600	42	45.057.600	42	45.057.600	42	45.057.600	42	45.057.600	225.288.000	
2	Phụ cấp chức vụ	2.145.600	2.145.600	42	90.115.200	42	90.115.200	42	90.115.200	42	90.115.200	42	90.115.200	450.576.000	
3	Phụ cấp kiêm nhiệm at	357.600	357.600	42	15.019.200	42	15.019.200	42	15.019.200	42	15.019.200	42	15.019.200	75.096.000	
IV	Phụ cấp chức vụ chỉ huy đơn vị DQTV	11.622.000	9.834.048		2.650.173.600		118.365.600		118.365.600		118.365.600		118.365.600	3.123.636.000	
1	Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội DQCD	3.933.600	3.933.600	2	7.867.200	2	7.867.200	2	7.867.200	2	7.867.200	2	7.867.200	39.336.000	
2	Phó đại đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội DQCD	3.754.800	3.754.800	2	7.509.600	2	7.509.600	2	7.509.600	2	7.509.600	2	7.509.600	37.548.000	
3	Trung đội trưởng, tiểu đội trưởng DQTT	2.145.600	2.145.600	8	17.164.800	8	17.164.800	8	17.164.800	8	17.164.800	8	17.164.800	85.824.000	
4	Tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng DQTV tại chỗ, binh	1.788.000	48	1.464	2.617.632.000	48	85.824.000	48	85.824.000	48	85.824.000	48	85.824.000	2.960.928.000	
V	Phụ cấp đặc thù QPQS	6.615.600	6.615.600		16.807.200		16.807.200		16.807.200		16.807.200		137.497.200	204.726.000	
1	Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội DQCD	1.966.800	1.966.800	2	3.933.600	2	3.933.600	2	3.933.600	2	3.933.600	2	3.933.600	19.668.000	
2	Phó đại đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội DQCD	1.966.800	1.966.800	2	3.933.600	2	3.933.600	2	3.933.600	2	3.933.600	2	3.933.600	19.668.000	
3	Trung đội trưởng DQCD	1.788.000	1.788.000	1	1.788.000	1	1.788.000	1	1.788.000	1	1.788.000	1	1.788.000	8.940.000	
4	Tiểu đội trưởng DQTT	894.000	894.000	8	7.152.000	8	7.152.000	8	7.152.000	8	7.152.000	143	127.842.000	156.450.000	
Tổng cộng		97.944.000	88.288.848		3.552.319.200		1.057.891.200		1.091.071.200		1.124.251.200		1.278.121.200	8.103.654.000	

Phụ lục VIII
KINH PHÍ BẢO ĐẢM CÔNG CỤ HỖ TRỢ, VŨ KHÍ THÔ SƠ, TRANG THIẾT BỊ,
PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT; CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO DQTV THỊ XÃ
(Ban hành kèm theo Đề án số 02 /ĐA-UBND ngày 14 / 6 /2021 của UBND thị xã Phước Long)

TT	Loại vật chất	Định mức (đồng/đơn vị)	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng
			SL đơn vị	Thành tiền (đồng)	SL đơn vị	Thành tiền (đồng)	SL đơn vị	Thành tiền (đồng)	SL đơn vị	Thành tiền (đồng)	SL đơn vị	Thành tiền (đồng)	
1	Công cụ hỗ trợ, vũ khí thô sơ	500.000.000	7	3.500.000.000									3.500.000.000
2	Tủ đựng công cụ hỗ trợ	7.000.000	7	49.000.000									49.000.000
3	Trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật	45.000.000	7	315.000.000									315.000.000
4	Bảo đảm cơ sở vật chất cho Ban CHQS cấp xã, phường	50.000.000	7	350.000.000									350.000.000
5	Vật chất văn hóa tinh thần cho Ban CHQS cấp xã, cơ quan, tổ chức, đơn vị DQTT	20.000.000	13	260.000.000									260.000.000
6	Vật chất huấn luyện, hoạt động	Cấp xã, phường: 30.000.000 Cấp thị xã: 70.000.000	13	4.170.000.000									4.170.000.000
7	Kinh phí hoạt động của Ban CHQS cấp xã, cơ quan, tổ chức	30.000.000	13	390.000.000									390.000.000
Tổng cộng				9.034.000.000									9.034.000.000



22